

UNIT 7:**POLLUTION****SKILLS 2****I/ NEW WORDS:**

- environmentalist	(n):nhà môi trường học
- discharge	(n) : thải ra đổ ra
- algal - algae	(n) : tảo
- article	(n) : bài báo
- dramatic	(n):gây ấn tượng sâu sắc
- reservoir	(n) : hồ chứa